

Bản án số: 04 /2021/HS-ST
Ngày 15-3-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRĂK, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Hải

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Giang, ông Y Đơ Niê.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2021/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

- **Đặng Minh Ph**, sinh ngày: 29/11/1984 tại huyện Ph, tỉnh Bình Định; Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lái xe; Con ông Đặng Văn Tr và bà Phạm Thị X; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Th. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 14/10/2020, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M'Đrăk. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Những người tham gia tố tụng khác:**

- *Bị hại:*

+ Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1940. Nơi cư trú: Tổ dân phố 12, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông T có mặt tại phiên tòa.

+ Anh Cao Đình H sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn 3, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Trần Thuận M sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Trần Văn T sinh năm 1987. Nơi cư trú: Số 284, đường N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Chị Bùi Thị D, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn 1B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Hoàng Trung H sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn H, xã X, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Kim A sinh năm 1972. Nơi cư trú: số 117/5 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Chị Phan Thị Thanh Th1 sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Th sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, thị trấn M'Đrăk, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk. Chị Th có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Trần Văn L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: số 101 đường L, thị trấn E, huyện Ea kar, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn M, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Minh Ph là tài xế lái xe thuê tự do và kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện M từ năm 2015 đến nay. Do công việc lái xe thuê thu nhập không ổn định, việc kinh doanh vật liệu xây dựng thua lỗ kéo dài nên Ph phải vay tiền của nhiều người để đầu tư và trả các khoản nợ phát sinh. Đầu tháng 7/2020, Ph mất khả năng thanh toán nợ cho nhiều người nên nảy sinh ý định thuê xe ô tô của người khác để cầm cố lấy tiền trả nợ, sau đó vay tiền người khác để chuộc lại xe.

Vụ thứ nhất: Sáng ngày 04/7/2020 Ph đến nhà ông Lê Ngọc T đề nghị thuê xe ô tô Biển kiểm soát (BKS) 47A- 155.94 từ 3 đến 4 ngày. Phụng nói với ông T thuê xe đi công việc cá nhân, ông T tin lời Ph, nên đã giao xe và giấy tờ xe cho Ph. Sau khi nhận xe, Ph điều khiển đến tiệm cầm đồ "H" tại xã C, huyện E- tỉnh Đắk Lắk do chị Bùi Thị D làm chủ để cầm cố, nhưng khi kiểm tra biết xe không chính chủ nên chị D không nhận. Ph điều khiển xe đến ga ra của anh Phạm Văn M tại thị trấn E, huyện E hỏi chỗ nào cầm cố xe, anh M gọi điện thoại cho anh Trần Thuận M là chủ cơ sở cầm đồ V đến ga ra M gặp Ph, anh M hỏi có phải xe chính chủ và có giấy tờ gì chứng minh không thì Ph nói đây là xe của vợ đang cần tiền gấp nên cầm cố gửi tiền cho vợ, có giấy đăng ký kết hôn. Sau đó, Ph điều khiển xe ô tô về lại huyện M ghép tên Lê Thị Kim A vào giấy đăng ký kết hôn của vợ chồng Ph rồi chụp bằng điện thoại gửi cho anh M xem. Ph đưa cho anh M xem các loại giấy tờ

khác có liên quan. Anh M cho Ph cầm cố xe trên với số tiền 300.000.000 đồng. Ph dùng toàn bộ tiền cầm cố trả nợ cho chị Bùi Thị D.

Tại Kết luận định giá tài sản số 454/KL-HĐĐG ngày 17/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M'Đrăk: Xe ô tô BKS 47A- 155.94 trị giá 355.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Đến ngày phải trả xe cho ông T nhưng Ph vẫn chưa vay được tiền để chuộc lại xe ô tô của ông T đã cầm cố, Ph nảy sinh ý định tiếp tục thuê xe để cầm cố lấy tiền chuộc xe trả lại cho ông T. Ngày 06/7/2020, Ph đặt vấn đề thuê xe ô tô BKS 47A- 287.57 của anh Cao Đình H để đi công việc. Sau khi thuê được xe, Ph điều khiển đến thị trấn E, huyện E. Buổi trưa ngày 07/7/2020, Ph điều khiển xe đến tiệm cầm đồ ALI33 do anh Trần Văn T làm chủ để cầm cố. Khi anh T hỏi giấy tờ xe thì Ph nói xe chưa sang tên, Ph lấy hợp đồng mua bán xe mà anh H để sẵn trên xe cho T xem. Anh T hỏi có giấy chứng minh thư hay bằng lái gì không thì Ph trả lời có bằng lái nhưng đang để ngân hàng. Ph điều khiển xe ô tô BKS 47A- 287.57 đến tiệm phôtô tại thị trấn E ghép hình của mình phôtô chèn vào bằng lái của anh Cao Đình H và điều khiển xe quay lại đưa giấy phép lái xe phôtô cho anh T xem, anh T đồng ý cho Ph cầm cố xe với số tiền 80.000.000 đồng, Ph sử dụng 70.000.000 đồng trả nợ cho một số người không rõ nhân thân, Ph giữ lại 10.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 455/KL-HĐĐG ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M'Đrăk: xe ô tô BKS 47A- 287.57 trị giá 102.800.000 đồng.

* Vật chứng tạm giữ: 01 xe ô tô BKS 47A- 155.94; 01 xe ô tô BKS 47A- 287.57 cùng các loại giấy tờ có liên quan của 02 xe ô tô trên.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 18/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk truy tố bị cáo Đặng Minh Ph về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 174 BLHS.

* Quá trình xét hỏi tại phiên tòa:

+ Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrăk đã truy tố nêu trên. Sau khi cầm cố xe, Ph đã báo việc cầm cố xe để trả nợ để ông T biết và nhờ ông T chuộc xe rồi sau đó bị cáo sẽ vay nơi khác để trả lại tiền cho ông T nhưng ông T không đồng ý. Sau khi xảy ra sự việc, Ph đã vay tiền người thân trả cho anh Trần Thuận M 120.000.000đồng, trả cho anh Trần Văn T 50.000.000đồng, số tiền còn lại anh M, anh T tự thỏa thuận về thời hạn trả, không có yêu cầu trong vụ án. Bị cáo đã tự nguyện tác động chị Th (vợ của Ph) bồi thường cho anh Cao Văn H 8.000.000đồng, bồi thường cho ông T nhưng ông T không nhận do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

+ Bị hại ông Lê Ngọc T khai: Xe ô tô BKS 47A- 155.94 do chị Lê Thị Kim A mua và đứng tên chủ sở hữu (chị A là con của ông T). Chị A đã giao cho ông Tm

quản lý và sử dụng xe nhưng chưa làm giấy tờ sang tên. Ngày 04/7/2020, Ph thuê xe ô tô ông Lê Ngọc T đi công việc, khi trả xe sẽ tính tiền thuê. Ngày 07/7/2020, ông T gọi điện thoại cho Ph trả lại xe thì Phg cho biết đã cầm cố xe, Ph nhờ ông T chuộc xe rồi thu xếp trả lại tiền nhưng ông T không đồng ý. Sau khi xảy ra sự việc, chị Th (vợ của Ph) có đến nhà xin lỗi và xin khắc phục hậu quả 5.000.000đồng nhưng ông T thấy hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đã từ chối nhận tiền. Ông T đã tự nguyện viết đơn bãi nại cho Ph, không yêu cầu gì thêm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị Th biết công việc làm ăn, kinh doanh của Phụng bị thua lỗ, nợ nần nhưng không biết Ph vay nợ cụ thể từng người, khi trả nợ thì Ph không trao đổi với chị Th. Chị Th không biết việc Ph thuê xe đem đi cầm cố để lấy tiền trả nợ. Sau khi biết được tin Ph thuê 02 xe ô tô đi cầm cố lấy tiền trả nợ thì bản thân chị Th và Ph có phần hoảng loạn và quẫn bách nên uống thuốc sâu tự tử nhưng được cứu chữa kịp thời. Trong thời gian Ph bị bắt tạm giam, Ph nhờ chị Th lo tiền khắc phục hậu quả cho anh H số tiền 8.000.000đồng và ông T nhưng ông T không nhận. Chị Th không có ý kiến và yêu cầu gì.

* Quá trình điều tra,

+ Bị hại anh Cao Đình H khai: Ngày 06/7/2020 anh H cho Ph thuê xe ô tô BKS 47A- 287.57 đi công việc nhưng Ph đã mang xe đi cầm cố. Quá trình điều tra, anh H đã nhận lại tài sản, gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho anh Cao Đình H. Anh H có đơn bãi nại cho Ph, không yêu cầu gì thêm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Thuần M khai đã nhận của bị cáo 120.000.000đồng tiền cầm cố tài sản, số tiền còn lại đã tự thỏa thuận về thời hạn trả nợ nên anh M không yêu cầu trong vụ án. Anh Trần Văn T khai đã nhận của bị cáo 50.000.000đồng tiền cầm cố tài sản, số tiền còn lại đã tự thỏa thuận, không yêu cầu trong vụ án.

+ Chị Bùi Thị Dung, anh Hoàng Trung Hiếu, bà Lê Thị Kim A, chị Phan Thị Thanh Th1 không có yêu cầu gì.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Đặng Minh Ph phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 và điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Đặng Minh Ph từ 06 năm đến 07 năm tù.

+ Về xử lý vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện M’Đăk đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp xe ô tô BKS 47A-155.94 và xe ô tô BKS 47A-287.57.

+ Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập giải quyết.

Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M’Đrăk, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo là phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở pháp lý kết luận:

Do cần tiền để trả khoản nợ phát sinh từ trước mà không có tiền, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô của ông Lê Ngọc T và anh Cao Đình H bằng các thủ đoạn gian dối thuê xe ô tô để đi công việc nhưng lại đem đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Cụ thể:

- Ngày 04/7/2020, bị cáo đến nhà ông Lê Ngọc T tại tổ dân phố 12, thị trấn M’Đrăk, thuê xe ô tô Biển kiểm soát (BKS) 47A- 155.94 của ông T trị giá 355.000.000 đồng đưa đến tiệm cầm đồ V cầm cố cho anh Trần Thuận M để nhận 300.000.000 đồng.

- Ngày 06/7/2020, bị cáo thuê xe ô tô BKS 47A- 287.57 của anh Cao Đình H ở thôn 3, xã, huyện M trị giá 102.000.000 đồng đưa đến tiệm cầm đồ ALI33 cầm cố cho anh Trần Văn T lấy số tiền 80.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Đặng Minh Ph đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS. Do tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 457.800.000 đồng, nên hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện M’Đrăk truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ.

Tại khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định:

“ Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”

Xét tính chất vụ án, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác đều được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác sẽ bị nghiêm trị. Với ý thức coi thường pháp luật, vì mục đích tư lợi cá nhân, 02 lần bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác với giá trị lớn, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. HĐXX cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc và phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, có như vậy mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự nguyện tác động người thân xin lỗi khắc phục hậu quả cho người bị hại, trả tiền cầm cố tài sản cho những chủ tiệm cầm đồ nơi bị cáo đã cầm cố xe ô tô. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người bị hại trong vụ án đều viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt và xin miễn truy tố đối với bị cáo. Bố của bị cáo có công với cách mạng (được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì). Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo thực hiện do hoàn cảnh kinh tế quẩn bách, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đơn giản. Bị cáo chủ động thông báo việc cầm cố tài sản cho chủ sở hữu để tìm cách chuộc xe lại. Tài sản chiếm đoạt đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Gia đình bị cáo hiện nay gặp nhiều khó khăn, không có nhà ở, thu nhập của vợ bị cáo thấp, công việc chưa ổn định, phải nuôi 02 con nhỏ. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS, để áp dụng hình phạt dưới khung thấp nhất của khung hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản không có ai yêu cầu về vấn đề bồi thường. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Về hành vi nhận cầm cố của anh M và anh T do không biết xe Ph mang đi cầm cố là tài sản do Ph chiếm đoạt của người khác chưa đến mức truy cứu TNHS. Đối với trường hợp anh M nhận cầm cố xe ô tô có dấu hiệu vi phạm hành chính, cơ quan điều tra đã chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý là phù hợp, vì vậy HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrăk đã trả

lại: xe ô tô BKS 47A- 155.94 và giấy tờ xe cho ông Lê Ngọc T; Trả lại xe ô tô BKS 47A- 287.57 cùng các loại giấy tờ có liên quan cho anh Cao Đình H là đúng pháp luật. Nên HĐXX cần chấp nhận.

[5]Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về Tội danh và hình phạt:

* Tuyên bố bị cáo Đặng Minh Ph phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

* Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 BLHS: Xử phạt bị cáo Đặng Minh Ph 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 14/10/2020.

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS và khoản 3 Điều 106 BLTTHS, chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M’Đrăk đã trả lại: xe ô tô BKS 47A- 155.94 và giấy tờ xe cho ông Lê Ngọc T Trả lại xe ô tô BKS 47A- 287.57 cùng các loại giấy tờ liên quan cho anh Cao Đình H.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Đặng Minh Ph phải chịu 200.000đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

4. Thông báo quyền kháng cáo:

Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT ITAND Tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M’Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M’Đrăk;
- CQĐT Công an huyện M’Đrăk;
- Cơ quan THAHS CA huyện M’Đrăk;
- Bị cáo, đương sự;
- Văn phòng;
- Văn thư, kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hải